

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày 27/5/2020

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hoà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền.

2. Ông Nguyễn Văn Đồi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Hải Nam - Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận S - Địa chỉ: số nhà 25 đường Hà Thị Thân, quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị H; sinh năm: 1977; nghề nghiệp: buôn bán; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 16, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; tạm trú tại: tổ 37 phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn T; sinh năm: 1976; nghề nghiệp: bộ đội; Nơi cư trú: tổ 16, phường T quận S, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Luật sư Trần Cao N thuộc Văn phòng luật sư Trần C - Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Nguyên đơn - bà Hoàng Thị H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Vũ Văn T kết hôn vào năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn tôi sống tại xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Do chồng tôi công tác tại Đà Nẵng nên đến năm 2007, tôi chuyển vào Đà Nẵng sinh sống cùng chồng. Từ năm 2007 gia đình tôi có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên đánh đập vợ con, không chu cấp tiền lương để nuôi hai con, thường xuyên nhục mạ tôi thậm tệ và bỏ bê việc nuôi dạy con cái. Sự việc đã được hai bên hòa giải và cơ quan can thiệp. Tuy nhiên mâu thuẫn chúng tôi không được tháo gỡ, giải quyết. Vợ chồng tôi sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Vì vậy tôi xin ly hôn với ông T.

- Về con chung: chúng tôi có 02 con chung là cháu Vũ Đức T, sinh ngày 30/7/2005 và Vũ Trung H, sinh ngày 01/10/2008. Khi ly hôn, nguyện vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và hai con cũng muốn ở với tôi. Trong quá trình hòa giải, tôi yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2000.000đồng/01 con) nhưng tại phiên tòa tôi chỉ yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000đồng/01 con).

- Về tài sản chung: Vợ chồng tôi tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng chúng tôi không có nợ chung.

** Bị đơn là ông Vũ Văn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và bà Hoàng Thị H kết hôn vào năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, tôi công tác tại Đà Nẵng và vợ tôi vẫn sinh sống tại T, Thái Bình đến năm 2007 thì vợ tôi chuyển vào Đà Nẵng sống cùng tôi. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chúng tôi bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tình cảm và kinh tế nên thường xuyên cãi vã, xô xát nhau. Đến tháng 11 năm 2019, cô ấy đã thuê nhà ra ở riêng và mang cả hai con tôi đi khi chưa được sự đồng ý của tôi và mang tất cả đồ đạc trong nhà đi khi tôi không có ở nhà. Nay tôi xác định không còn tình cảm gì với vợ tôi nên tôi cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Tôi và bà Hoàng Thị H có hai con chung là cháu Vũ Đức T, sinh ngày 30/7/2005 và Vũ Trung H, sinh ngày 01/10/2008. Khi ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi cháu lớn là cháu Vũ Đức T và vợ tôi nuôi cháu nhỏ là Vũ Trung H cả hai chúng tôi không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tôi và bà Hoàng Thị H có một lô đất số 240 khu B1-7 khu tái định cư Hòa Liên 4, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Tôi yêu cầu Tòa án để cho hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tôi không có nợ chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng:

Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị H và ông Vũ Văn T đã thống nhất ly hôn nên đề nghị HĐXX công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

Đối với con chung, bà H vẫn kiên quyết xin được nuôi hết 02 con, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3000.000đồng (1.500.000đồng/01 con); còn ông T lại yêu cầu Tòa án giao cho ông được trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Đức T, giao con Vũ Trung H cho bà Hoàng Thị H nuôi dưỡng. Ông và bà Hoàng Thị H không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, mặc dù các con chung của ông bà đều có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng điều kiện bà H nuôi cả hai con không đảm bảo. Hiện nay bà H đang phải ở nhà thuê, buôn bán nhỏ ở vỉa hè, thu nhập không ổn định, nhu cầu ăn học của các cháu ngày càng cao; trong khi đó ông T có công việc và thu nhập ổn định hơn. Do đó, tôi đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông T là phù hợp.

Về tài sản chung hai ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

Về nợ chung hai ông bà đều xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về quan hệ hôn nhân: căn cứ các Điều 51, 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của bà Hoàng Thị H và ông Vũ Văn T;

* Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 giao hai con chung Vũ Đức T, sinh ngày 30/7/2005 và Vũ Trung H, sinh ngày 01/10/2008 cho bà Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung của hai ông bà đủ 18 tuổi. Buộc ông Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3000.000 đồng (1.500.000 đồng/01con).

* Về tài sản chung: bà Hoàng Thị H và ông Vũ Văn T đều thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

* Về nợ chung: bà Hoàng Thị H và ông Vũ Văn T đều xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Hoàng Thị H đối với ông Vũ Văn T là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận S theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Thị H và ông Vũ Văn T kết hôn vào năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình (Giấy chứng nhận kết hôn số 53, quyển số 02/2002 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 21 tháng 02 năm 2003). Hôn nhân của hai ông bà phù hợp với các quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên tòa, bà Hoàng Thị H và ông Vũ Văn T đều thống nhất thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy việc thuận tình ly hôn của hai ông bà là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với pháp luật nên căn cứ các điều 51, 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn của hai ông bà là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà Hoàng Thị H và ông Vũ Văn T xác định có 02 con chung tên: Vũ Đức T, sinh ngày 30/7/2005 và Vũ Trung H, sinh ngày 01/10/2008.

Ly hôn, bà Hoàng Thị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Vũ Đức T và Vũ Trung H cho đến khi các con đủ 18 tuổi; bà yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000đồng/01 con).

Còn ông Vũ Văn T thì yêu cầu được nuôi con lớn là Vũ Đức T và giao cho bà H nuôi con nhỏ là Vũ Trung H, cả hai ông bà không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của hai ông bà về việc nuôi con và quan điểm của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn thì thấy, mặc dù phía ông T cho rằng bà H không đủ điều kiện nuôi hết cả hai con do phải đang ở nhà thuê, công việc làm và thu nhập không ổn định nên ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Đức T, giao cho bà H nuôi con nhỏ là Vũ Trung H. Tuy nhiên, trên thực tế từ khi hai ông bà sống ly thân nhau đến nay, bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, các cháu vẫn được chăm sóc và ăn học bình thường; bản thân các cháu từ trước đến nay hai anh em sống chung và gần bó với nhau, nếu tách các cháu ra để giao cho bố mẹ mỗi người nuôi một cháu như yêu cầu của phía ông T thì sẽ làm xáo trộn cuộc sống đang ổn định của các cháu, các cháu dễ bị tổn thương, ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu; mặt khác nguyện vọng các cháu cũng đều yêu cầu được ở với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền lợi và không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu, HĐXX thấy cần căn cứ các Điều 81, 82, 83 giao hai con chung Vũ Đức T và Vũ Trung H cho bà Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung của hai ông bà đủ 18 tuổi là phù hợp.

Do ông T có công việc ổn định, căn cứ vào bản sao kê tiền lương và lời thừa nhận của ông thì mỗi tháng thu nhập từ lương được hơn 9000.000 đồng nên ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con là hợp lý. Xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (1.500.000đồng/01 con) mà bà H yêu cầu là phù hợp với mức thu nhập hàng tháng của ông T và nhu cầu ăn học của các cháu, cho nên HĐXX thấy cần buộc ông T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con) là phù hợp.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: bà Hoàng Thị H và ông Vũ Văn T đều thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[5] Về nợ chung: bà Hoàng Thị H và ông Vũ Văn T đều xác định không có nợ chung nên không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí:

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” bà Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng phí 300.000đ bà Hoàng Thị H đã nộp tại biên lai thu số 08252 ngày 09.12.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận S .

Ông Vũ Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ban hành ngày 30.12.2016 về việc “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hoàng Thị H và ông Vũ Văn T.

2. Về con chung: giao hai con chung Vũ Đức T , sinh ngày 30/7/2005 và Vũ Trung H, sinh ngày 01/10/2008 cho bà Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc ông Vũ Văn T cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 3000.000 đồng (1.500.000 đồng/01 con) cho đến khi các con chung của hai ông bà đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ bà Hoàng Thị H phải chịu. Được trừ vào số tiền tạm ứng phí 300.000đ bà Hoàng Thị H đã nộp tại biên lai thu số 08252 ngày 09.12.2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận S .

Ông Vũ Văn T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận S
- Những người tham gia tố tụng
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Phước Hòa